

Số: **4244**/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày **16** tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 197/TTr-SNN&PTNT ngày 08/10/2019 và Báo cáo thẩm tra số 1070/BC-VP ngày 11/10/2019 của Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 08 thủ tục hành chính mới ban hành và 08 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa (*Có Danh mục kèm theo*).

Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính tại Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa; Bãi bỏ Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông để xây dựng quy trình điện tử.

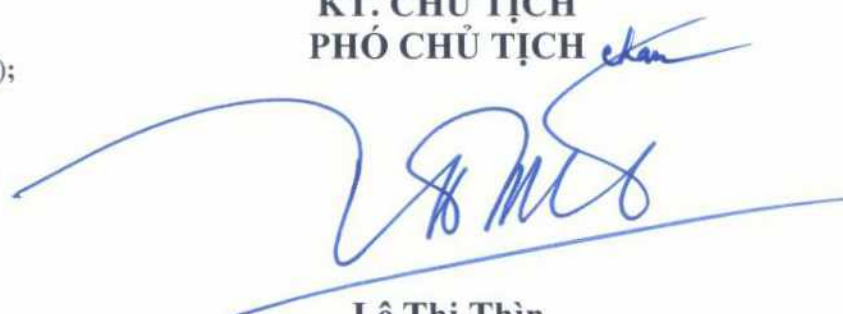
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG, LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TỈNH THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~4244~~ 4244/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

Stt	Tên thủ tục hành chính (Số hồ sơ của TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC)
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (BNN-THA-288021).
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) (BNN-THA-288022).
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP) (BNN-THA-288023).
4	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (BNN-THA-288020).
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (cấp huyện) (THA-289714).
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) (cấp huyện) (THA-289715).
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP) (cấp huyện) (THA-289716).
4	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (cấp huyện) (THA-289717).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC

STT	Số hồ sơ của TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	T-THA-288516-TT	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	T-THA-288517-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	

3	T-THA-288518-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận.		
4	T-THA-288515-TT	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.		
II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN				
1	T-THA-288520-TT	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
2	T-THA-288521-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).		
3	T-THA-288522-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận.		
4	T-THA-288519-TT	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.		

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/UBND CẤP HUYỆN TỈNH THANH HÓA.

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

1. Trình tự thực hiện

1.1. Trình tự thực hiện

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật (bao gồm các cơ sở: cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)* có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 m trở lên; cơ sở giết mổ động vật tập trung có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản thực phẩm; cảng cá).

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về các Chi cục quản lý chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết theo quy định *(theo Quyết định số 552/QĐ-SNN&PTNT ngày 22/8/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công nhiệm vụ quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản cho các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*. Cụ thể:

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với hồ sơ của cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với hồ sơ của cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

+ Chi cục Thủy sản (đối với hồ sơ của cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

+ Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với hồ sơ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

- Trường hợp 1: Nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B:

+ Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

+ Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ

quan có thẩm quyền thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.

+ Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp 2: Cơ sở chưa được thẩm định và xếp loại A hoặc B:

+ Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

+ Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Thời gian thực hiện

- Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).

1.3. Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

2. Cách thức thực hiện

- Hồ sơ có thể nộp bằng một trong các cách thức sau: trực tiếp; gửi qua đường bưu chính; gửi qua địa chỉ Email: tthcc@thanhhoa.gov.vn, mạng điện tử: hcc.thanhhoa.gov.vn (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B;

- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) *Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền quyết định hoặc phân cấp thực hiện*

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

- Chi cục Thủy sản (đối với cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

c) *Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:*

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

- Chi cục Thủy sản: (đối với cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở/Thông báo kết quả đối với cơ sở chưa đủ điều kiện.

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận: 03 năm.

8. Phí, lệ phí

- Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở.

- Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Chương IV của Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

- Có đăng ký ngành, nghề kinh doanh thực phẩm trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Có

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

2. Mã số (nếu có):

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

4. Điện thoại Fax Email

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:.....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....

Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp Giấy
chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Hồ sơ gửi kèm:

-

...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM
AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**BẢN THUYẾT MINH
Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm
của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☐ Khác ☐
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:.....
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
.....
10. Thị trường tiêu thụ chính:
.....

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanhm², trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm:m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh :m²
- + Khu vực đóng gói thành phẩm :m²
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác :m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐

Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐

Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:.....

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh:.....

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa - khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở ☐ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

- Thuê ngoài ☐ Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

II. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn).

1. Trình tự thực hiện

1.1. Trình tự thực hiện

- Trước 06 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn, cơ sở sản xuất, kinh doanh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật (bao gồm các cơ sở: cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa) có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 m trở lên; cơ sở giết mổ động vật tập trung có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản thực phẩm; cảng cá).

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về các Chi cục quản lý chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết theo quy định (theo Quyết định số 552/QĐ-SNN&PTNT ngày 22/8/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công nhiệm vụ quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản cho các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Cụ thể:

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với hồ sơ của cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với hồ sơ của cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

+ Chi cục Thủy sản (đối với hồ sơ của cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

+ Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với hồ sơ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

- Trường hợp 1: Nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B:

+ Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

+ Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.

+ Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp 2: Cơ sở chưa được thẩm định và xếp loại A hoặc B:

+ Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

+ Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Trường hợp hoặc không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Thời gian thực hiện

- Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).

1.3. Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

2. Cách thức thực hiện

- Hồ sơ có thể nộp bằng một trong các cách thức sau: trực tiếp; gửi qua đường bưu chính; gửi qua địa chỉ Email: thcc@thanhhoa.gov.vn; mạng điện tử: hcc.thanhhoa.gov.vn (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B;

- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền quyết định hoặc phân cấp thực hiện:

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

- Chi cục Thủy sản (đối với cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

- Chi cục Thủy sản (đối với cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở/Thông báo kết quả đối với cơ sở chưa đủ điều kiện.

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận: 03 năm.

8. Phí, lệ phí

- Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đ/cơ sở.

- Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đ/cơ sở.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Chương IV của Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

- Có đăng ký ngành, nghề kinh doanh thực phẩm trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Có

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
 2. Mã số (nếu có):
 3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
 4. Điện thoại FaxEmail
 5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:.....
 6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....
- Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền).....cấp Giấy
chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.
- Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-

...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM
AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**BẢN THUYẾT MINH
Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm
của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☐ Khác ☐
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:.....
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
.....
10. Thị trường tiêu thụ chính:
.....

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanhm², trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm:m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh :m²
- + Khu vực đóng gói thành phẩm :m²
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác :m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐

Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐

Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:.....

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh:.....

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở ☐ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài ☐ Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

III. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm).

1. Trình tự thực hiện

1.1. Trình tự thực hiện

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật (bao gồm các cơ sở: cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)* có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 m trở lên; cơ sở giết mổ động vật tập trung có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản thực phẩm; cảng cá).

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về các Chi cục quản lý chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết theo quy định *(theo Quyết định số 552/QĐ-SNN&PTNT ngày 22/8/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công nhiệm vụ quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản cho các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*. Cụ thể:

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với hồ sơ của cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với hồ sơ của cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

+ Chi cục Thủy sản (đối với hồ sơ của cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

+ Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với hồ sơ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm của cơ sở, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm thực hiện thẩm tra hồ sơ và xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho cơ sở. Trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

1.2. Thời gian thực hiện

- Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).

1.3. Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

2. Cách thức thực hiện

- Hồ sơ có thể nộp bằng một trong các cách thức sau: trực tiếp; gửi qua đường bưu chính; gửi qua địa chỉ Email: tthcc@thanhhoa.gov.vn; mạng điện tử: hcc.thanhhoa.gov.vn (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền quyết định hoặc phân cấp thực hiện:

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

- Chi cục Thủy sản (đối với cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm;

cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

- Chi cục Thủy sản (đối với cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. (Thời hạn của Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trùng với thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đã được cấp trước đó).

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Có

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
 2. Mã số (nếu có):
 3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
 4. Điện thoại FaxEmail
 5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:.....
 6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....
- Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền).....cấpGiấy
chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.
- Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-

...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

IV. Thủ tục: Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

1. Trình tự thực hiện

1.1. Trình tự thực hiện

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật (bao gồm các cơ sở: cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)* có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 m trở lên; cơ sở giết mổ động vật tập trung có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản thực phẩm; cảng cá).

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về các Chi cục quản lý chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết theo quy định *(theo Quyết định số 552/QĐ-SNN&PTNT ngày 22/8/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân công nhiệm vụ quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản cho các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*. Cụ thể:

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với hồ sơ của cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với hồ sơ của cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

+ Chi cục Thủy sản (đối với hồ sơ của cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

+ Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với hồ sơ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.

- Kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý.

- Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những

người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

1.2. Thời gian thực hiện

- Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).

1.3. Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

2. Cách thức thực hiện

- Trực tiếp hoặc qua bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đối với tổ chức:

+ Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương;

+ Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức) hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (đối với tàu cá);

+ Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

- Đối với cá nhân:

+ Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương;

+ Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;

+ Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra).

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền quyết định hoặc phân cấp thực hiện:

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

- Chi cục Thủy sản (đối với cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (đối với cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở)).

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (đối với cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm).

- Chi cục Thủy sản (đối với cảng cá; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản).

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản còn lại thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Chi cục trở lên).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm kể từ ngày cấp.

8. Phí, lệ phí: 30.000 đồng/lần/người.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đối với tổ chức: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a và 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương;

- Đối với cá nhân: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT- BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Có

Mẫu số 01a - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT
ngày 09/4/ 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công
Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi:(cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số
cấp ngày tháng năm, nơi cấp

Địa chỉ:, Số điện thoại

Số Fax E-mail

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các
quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá,
xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày tháng ... năm

Đại diện Tổ chức/cá nhân
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 01b- Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức
(Kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của....
(tên tổ chức))

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT
ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn)*

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày tháng ... năm.....

Đại diện Tổ chức xác nhận
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

1.Trình tự thực hiện

1.1. Trình tự thực hiện

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật (bao gồm các cơ sở: cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)* có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp huyện cấp; cơ sở giết mổ động vật tập trung có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND huyện cấp).

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế (đối với UBND thị xã, thành phố)) để giải quyết theo quy định.

- Trường hợp 1: Nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B:

+ Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

+ Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.

+ Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp 2: Cơ sở chưa được thẩm định và xếp loại A hoặc B:

+ Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

+ Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở.

+ Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Thời gian thực hiện

- Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).

1.3. Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.

2. Cách thức thực hiện

- Hồ sơ có thể nộp bằng một trong các cách sau: trực tiếp; qua đường bưu chính; qua Fax; Email; mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B;

- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền quyết định hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế (đối với UBND thị xã, thành phố)).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở/Thông báo kết quả đối với cơ sở chưa đủ điều kiện.

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận: 03 năm.

8. Phí, lệ phí

- Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở.
- Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Chương IV của Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
- Có đăng ký ngành, nghề kinh doanh thực phẩm trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;
- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Có

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
 2. Mã số (nếu có):
 3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
.....
 4. Điện thoại Fax Email
 5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:.....
 6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....
- Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp Giấy
chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Hồ sơ gửi kèm:

-

...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM
AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**BẢN THUYẾT MINH
Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm
của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☐ Khác ☐
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:.....
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
.....
10. Thị trường tiêu thụ chính:
.....

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanhm², trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm:m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh :m²
- + Khu vực đóng gói thành phẩm :m²
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác :m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐

Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐

Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:.....

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh:.....
- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở ☐ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:
- Thuê ngoài ☐ Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

II. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn).

1. Trình tự thực hiện

1.1. Trình tự thực hiện

- Trước 06 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn, cơ sở sản xuất, kinh doanh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật (bao gồm các cơ sở: cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)* có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp huyện cấp; cơ sở giết mổ động vật tập trung có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND huyện cấp).

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế (đối với UBND thị xã, thành phố) để giải quyết theo quy định.

- Trường hợp 1: Nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B:

+ Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

+ Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.

+ Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp 2: Cơ sở chưa được thẩm định và xếp loại A hoặc B:

+ Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

+ Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Thời gian thực hiện

- Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).

1.3. Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.

2. Cách thức thực hiện

- Hồ sơ có thể nộp bằng một trong các cách sau: trực tiếp; qua đường bưu chính; qua Fax, Email, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính)

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B;

- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền quyết định hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế (đối với UBND thị xã, thành phố)).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở/Thông báo kết quả đối với cơ sở chưa đủ điều kiện.

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận: 03 năm.

8. Phí, lệ phí

- Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đ/cơ sở.
- Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đ/cơ sở.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục Vban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Chương IV của Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
- Có đăng ký ngành, nghề kinh doanh thực phẩm trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;
- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Có

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
 2. Mã số (nếu có):
 3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
 4. Điện thoại Fax Email
 5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:.....
 6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....
- Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp Giấy
chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.
- Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-

...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM
AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

BẢN THUYẾT MINH
Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm
của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài ☐
DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ☐
DN tư nhân ☐ Khác ☐
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:.....
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
.....
10. Thị trường tiêu thụ chính:
.....

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanhm², trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm:m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh :m²
- + Khu vực đóng gói thành phẩm :m²
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác :m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐

Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐

Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:.....

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh:.....

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở ☐ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

- Thuê ngoài ☐ Tên những PKN gửi phân tích:

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

III. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm).

1. Trình tự thực hiện

1.1. Trình tự thực hiện

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định của pháp luật (bao gồm các cơ sở: cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa) có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp huyện cấp; cơ sở giết mổ động vật tập trung có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND huyện cấp).

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế (đối với UBND thị xã, thành phố) để giải quyết theo quy định.

- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm của cơ sở, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm thực hiện thẩm tra hồ sơ và xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho cơ sở. Trường hợp không cấp lại, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

1.2. Thời gian thực hiện

- Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).

1.3. Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.

2. Cách thức thực hiện

- Hồ sơ có thể nộp bằng một trong các cách sau: trực tiếp; qua đường bưu chính; qua Fax, Email, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền quyết định hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế (đối với UBND thị xã, thành phố)).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn của Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trùng với thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đã được cấp trước đó.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Có

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
 2. Mã số (nếu có):
 3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
 4. Điện thoại FaxEmail
 5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập:.....
 6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....
- Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền).....cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.
- Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:

-

...

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

IV. Thủ tục: Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

1. Trình tự thực hiện

1.1. Trình tự thực hiện

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật (bao gồm các cơ sở: cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa) có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp huyện cấp; cơ sở giết mổ động vật tập trung có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND huyện cấp).

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế (đối với UBND thị xã, thành phố) để giải quyết theo quy định.

- Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.

- Kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý.

- Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

1.2. Thời gian thực hiện

Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).

1.3. Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện.

2. Cách thức thực hiện

- Trực tiếp hoặc qua bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đối với tổ chức:

+ Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương;

+ Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương;

+ Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);

+ Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

- Đối với cá nhân:

+ Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương;

+ Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;

+ Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra).

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền quyết định hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế (đối với UBND thị xã, thành phố).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Thời hạn hiệu lực của kết

quả: 03 năm kể từ ngày cấp.

8. Phí, lệ phí: 30.000 đồng/lần/người.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đối với tổ chức: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a và 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương;

- Đối với cá nhân: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Có

Mẫu số 01a - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT
ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Bộ Công Thương)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi:(cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số
cấp ngày tháng năm, nơi cấp

Địa chỉ:, Số điện thoại

Số Fax E-mail

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày tháng ... năm

Đại diện Tổ chức/cá nhân

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 01b- Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức
(Kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của....
(tên tổ chức))

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT
ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn)*

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày tháng ... năm.....
Đại diện Tổ chức xác nhận
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)